

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và
giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Dự án bố trí
ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.
Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
Quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính
hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực
hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND
tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND
tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa
bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);*

*Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND
tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi
thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong
năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND
tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi*

thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-STNMT ngày 02/11/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND huyện Minh Long về việc ban hành qui định từng vị trí đất nông nghiệp theo địa giới hành chính cấp xã để áp dụng trên địa bàn huyện minh Long cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ thông báo thu hồi đất số 19/TB-UBND đến số 64/TB-UBND ngày 31/01/2022 của UBND huyện Minh Long về việc thông báo thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng đất để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

Căn cứ Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 20/02/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 192/UBND-KTTH ngày 09/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp so với hiện trạng SDD để tính tiền bồi thường công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 280/UBND-KTTH ngày 30/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 81/UBND-KTTH ngày 07/2/2023 huyện Minh Long về việc thống nhất đơn giá bồi thường cây lúa để làm áp giá tính giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 968/STC-QLGCS ngày 04/4/2023 của Sở Tài chính về việc đơn giá gạo tẻ thường quý II/2023 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 4218/UBND-NNTN ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Trên cơ sở Báo cáo số 23/BC-TNMT ngày 19/04/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi Trường về việc thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, huyện Minh Long, với các nội dung như sau:

I. Tổng diện tích đề nghị thu hồi tổ chức, hộ gia đình: 18.133,9 m²

Trong đó:

- Tổng diện tích trong quy hoạch đề nghị thu hồi: 18.007,0 m²
- Tổng diện tích ngoài quy hoạch đề nghị thu hồi luôn: 126,9 m²

1. Diện tích đất thu hồi hộ gia đình, cá nhân là: 16.101,2 m²

- Diện tích thu hồi trong quy hoạch: 15.974,3 m²
- Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn: 126,9 m²

Trong đó:

Đất nông nghiệp: 16.101,2 m²

Tổng số thửa đất được bồi thường hỗ trợ: 40 thửa

- + Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) VT1: 3.919,8 m²
- + Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) VT1: 67 m²
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN) VT1: 6299,3 m²
- + Đất trồng rừng sản xuất (RSX) VT1: 5303,5 m²
- + Đất trồng cây hàng năm khác (BHK) VT1: 511,6 m²

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường hỗ trợ: 11 hộ gia đình, cá nhân.

II/ Tổng kinh phí: 2.414.051.760 đồng

Làm Tròn : 2.414.052.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Phần 1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 2.336.060.872 đồng

1. Bồi thường về đất : 1.811.689.100 đồng

2. Bồi thường về cây cối hoa màu: 503.868.872 đồng

5. Các khoản hỗ trợ: 21.375.000 đồng

**Phần 2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ
(phần 1*3): 70.107.989 đồng**

**Phần 3. Chi phí cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất
(phần 2*10): 7.010.799 đồng**

Phần 4. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phần 5. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thực hiện cấp phát tiền tận tay cho những hộ dân có tài sản nằm trong vùng quy hoạch của dự án bằng tiền mặt và những đơn vị được bồi thường theo mục đích công việc, cũng như theo giá trị bồi thường ghi tại Điều 1 của Quyết định này và Quyết định này được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Long Môn, huyện Minh Long và nhà văn hóa thôn nơi có đất.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện theo dõi, đơn đốc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Thủ trưởng các cơ quan: UBND xã Long Môn, phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Minh Long, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Xuân Hương

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG, CHI PHÍ THẨM ĐỊNH**CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKKT THÔN LÀNG TRÊ.****ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI****Phần I : Mức bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=4*5*6
A	ĐẤT ĐAI	m²	16101,2			1.811.689.100
A1	Bồi thường về đất (I+II)	m²	16101,2			440.989.400
I	Đất ở					0
II	Đất sản xuất nông nghiệp, đất vườn (1+2)	m²	16101,2			440.989.400
1	Đất sản xuất nông nghiệp	m²	16101,2			440.989.400
1.1	Đất chuyên trồng lúa vị trí 1	m ²	3919,8	100%	32.000	125.433.600
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại vị trí 1	m ²	67	100%	32.000	2.144.000
1.3	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m ²	6299,3	100%	32.000	201.577.600
1.4	Đất trồng rừng sản xuất, vị trí 1	m ²	5303,5	100%	18.000	95.463.000
1.5	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	m ²	511,6	100%	32.000	16.371.200
A2	Hỗ trợ về đất	m²	16101,2			1.370.699.700
I	Hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp	m²	16101,2			1.370.699.700
1.1	Đất chuyên trồng lúa vị trí 1	m ²	3919,8	300%	32.000	376.300.800
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại vị trí 1	m ²	67	300%	32.000	6.432.000
1.3	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m ²	6299,3	300%	32.000	604.732.800
1.4	Đất trồng rừng sản xuất, vị trí 1	m ²	5303,5	350%	18.000	334.120.500
1.5	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	m ²	511,6	300%	32.000	49.113.600
B	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC					0
I	Công trình phục vụ đời sống, sản xuất					0
C	CÂY CỎI, HOA MÀU					503.868.872
1	Cây lúa	m ²	3986,8	100%	3.040	12.119.872
2	Keo Cây có đường kính gốc $\geq 4\text{cm}$ đến $< 8\text{cm}$	Cây	599	100%	65.000	38.935.000

3	Chè Cây có đường kính gốc < 5cm	Cây	577	100%	30.000	17.310.000
4	Keo, Cây có ĐK gốc < 2cm	cây	191	100%	24.000	4.584.000
5	Keo, Cây có đường kính gốc > 8cm đến < 12cm	Cây	3591	100%	120.000	430.920.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					21.375.000
1	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 12500 đồng x 1 tháng/khẩu)	Khẩu	33	100%	375.000	12.375.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 12500 đồng x 06 tháng/khẩu)	Khẩu	4	100%	2.250.000	9.000.000
	Tổng cộng Phần I= (A+B+C+D)					2.336.932.972

Phần II : Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần II)	70.107.989	đồng
Phần III : Tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm điểm và cưỡng chế thu hồi đất (phần II*10%):	7.010.799	đồng
* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I + Phần II + Phần III):	2.414.051.760	đồng
Làm Tròn:	2.414.052.000	đồng

Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng